

**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

Báo cáo tài chính cho giai đoạn  
từ ngày 19 tháng 4 năm 2013  
đến ngày 31 tháng 12 năm 2013



**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**  
**Thông tin chung**

**Giấy chứng nhận đăng ký chào  
bán chứng chỉ Quỹ ra công chúng**

05/GCN-UBCK cấp ngày 28/12/2009

**Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ  
đầu tư đại chúng dạng Quỹ mở**

03/GCN-UBCK cấp ngày 18/4/2013

Giấy Chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đầu tư đại chúng dạng Quỹ mở do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với thời gian hoạt động không xác định.

**Ban Đại diện Quỹ**

Ông Nguyễn Trường Giang	Chủ tịch
Ông Đỗ Văn Bình	Phó Chủ tịch
Ông Đỗ Linh Phương	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên
Ông Bùi Nguyên Quỳnh	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Trung	Thành viên
Ông Nguyễn Kiên Cường	Thành viên

**Công ty Quản lý Quỹ**

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam

**Ngân hàng Giám sát**

Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)

**Trụ sở đăng ký**

Phòng 1701-04  
Lầu 17, Tòa nhà Mê Linh Point  
Số 2 Ngô Đức Kế  
Phường Bến Nghé, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**  
**BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam (“Công ty Quản lý Quỹ”) chịu trách nhiệm đối với các báo cáo tài chính của Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam (“Quỹ”) được lập và trình bày theo Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở, Thông tư 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 về quy chế thành lập và quản lý quỹ mở, do Bộ Tài chính ban hành, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính quỹ mở, mà các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 19 tháng 4 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và trong trường hợp không tuân thủ, thuyết minh rõ các khác biệt trọng yếu trong các báo cáo tài chính; và
- lập các báo cáo tài chính theo giá định hoạt động liên tục trừ phi giá định này không còn phù hợp với Quỹ.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp được thiết lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào, và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các yêu cầu của Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 về quy chế thành lập và quản lý quỹ mở, do Bộ Tài chính ban hành, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính quỹ mở. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm ngăn chặn và phát hiện những gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 19 tháng 4 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Thay mặt Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam 



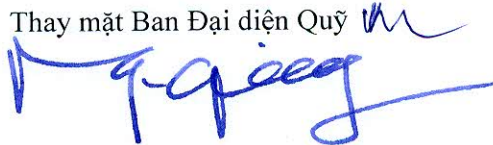
Ông Trần Thanh Tân  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 3 năm 2014

**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**  
**BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**

**PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tôi, Nguyễn Trường Giang, Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ và thay mặt cho Nhà đầu tư của Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam ("Quỹ"), phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 19 tháng 4 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013, được lập theo Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 về chế độ kế toán Quỹ mở, Thông tư 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 về quy chế thành lập và quản lý quỹ mở, do Bộ Tài chính ban hành, Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ 

---

Ông Nguyễn Trường Giang  
Chủ tịch

Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 3 năm 2014





**KPMG Limited Branch**  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street  
District 1, Ho Chi Minh City  
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266  
Fax +84 (8) 3821 9267  
Internet [www.kpmg.com.vn](http://www.kpmg.com.vn)

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi các Nhà đầu tư  
Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

### **Phạm vi kiểm toán**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính đính kèm của Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam (“Quỹ”), bao gồm báo cáo tình hình tài chính, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng và giao dịch chứng chỉ Quỹ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho giai đoạn từ ngày 19 tháng 4 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 và các thuyết minh kèm theo được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt phát hành ngày 7 tháng 3 năm 2014, được trình bày từ trang 6 đến trang 45.

### **Trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ đối với báo cáo tài chính**

Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý các báo cáo tài chính này theo Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở, Thông tư 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 về quy chế thành lập và quản lý quỹ mở, do Bộ Tài chính ban hành, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Các báo cáo tài chính này cũng đã được xác nhận bởi Ngân hàng HSBC (Việt Nam), là Ngân hàng Giám sát của Quỹ.

### **Trách nhiệm của đơn vị kiểm toán**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong các báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày các báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Công ty Quản lý Quỹ, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và kết quả hoạt động và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 19 tháng 4 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 phù hợp với Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 về quy chế thành lập và quản lý quỹ mở, do Bộ Tài chính ban hành, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.


### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 13-01-716 (B)



  
Nguyễn Thanh Nghị  
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0304-2013-007-1  
Phó Tổng Giám đốc



Trần Đình Vinh  
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0339-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 3 năm 2014



**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam****Báo cáo thu nhập cho giai đoạn từ ngày 19 tháng 4 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013****Mẫu B 01 - QM**

<b>STT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Từ ngày 19/4/2013 đến ngày 31/12/2013 VND</b>
<b>I</b>	<b>THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>	<b>01</b>		<b>1.492.151.707</b>
1.1	Cổ tức được chia	02		614.300.000
1.2	Tiền lãi được nhận	03		4.679.845.378
1.3	Lỗ bán các khoản đầu tư	04	15	(3.740.391.869)
1.4	Chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư	05	16	(61.601.802)
<b>II</b>	<b>CHI PHÍ ĐẦU TƯ</b>	<b>10</b>		<b>875.748.580</b>
2.1	Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	11	17	508.090.963
2.2	Chi phí lãi vay	13		367.657.617
<b>III</b>	<b>CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ</b>	<b>20</b>		<b>2.428.893.133</b>
3.1	Phí quản lý Quỹ	20.1	22	1.282.956.413
3.2	Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ	20.2	22	145.407.829
3.3	Phí dịch vụ giám sát	20.3	22	14.405.952
3.4	Phí dịch vụ quản trị Quỹ	20.4	22	92.399.999
3.5	Phí dịch vụ Đại lý chuyên nhượng	20.5	22	488.927.599
3.6	Chi phí họp, Đại hội nhà đầu tư	20.7		(41.592.176)
3.7	Chi phí kiểm toán	20.8		88.344.879
3.8	Thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại diện Quỹ	20.10	18	224.186.121
3.9	Chi phí hoạt động khác	20.10	19	133.856.517
<b>IV</b>	<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ (Mang sang trang sau) (23=01-10-20)</b>	<b>23</b>		<b>(1.812.490.006)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này*

**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

**Báo cáo thu nhập cho giai đoạn từ ngày 19 tháng 4 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 - QM**

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 19/4/2013 đến ngày 31/12/2013 VND
IV	<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ (mang sang từ trang trước) (23=01-10-20)</b>	<b>23</b>		<b>(1.812.490.006)</b>
V	<b>KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>	<b>24</b>		<b>16.803.282</b>
5.1	Thu nhập khác	24.1		16.803.282
VI	<b>LỖ THUẬN TRƯỚC THUẾ (30=23+24)</b>	<b>30</b>		<b>(1.795.686.724)</b>
6.1	Lỗ đã thực hiện	31		(1.734.084.922)
6.2	Lỗ chưa thực hiện	32		(61.601.802)
VIII	<b>LỖ THUẬN TRONG KỲ (41=30)</b>	<b>41</b>		<b>(1.795.686.724)</b>
	<b>Tỷ suất lợi nhuận bình quân năm</b>			<b>(1,37%)</b>

Ngày 7 tháng 3 năm 2014

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng Giám sát  
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ  
Đầu tư Việt Nam



Nguyễn Minh Đăng Khánh  
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám  
đốc Tài chính

Trần Thanh Tân  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này



**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**  
**Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2013**

Mẫu B 02 - QM

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND
<b>I</b>	<b>TÀI SẢN</b>	<b>100</b>		
<b>1</b>	<b>Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>22.984.928.236</b>
1.1	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ	111		2.984.928.236
1.2	Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	112		20.000.000.000
<b>2</b>	<b>Các khoản đầu tư thuần</b>	<b>120</b>		<b>57.040.990.000</b>
2.1	Các khoản đầu tư	121	5	57.040.990.000
<b>3</b>	<b>Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>29.272.729.580</b>
3.1	Phải thu về bán các khoản đầu tư	131	6	26.627.964.000
3.2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	133		2.485.353.425
3.2.1	<i>Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận</i>	136	7	2.485.353.425
3.3	Các khoản phải thu khác	137		159.412.155
<b>TỔNG TÀI SẢN (100=110 + 120 + 130)</b>				<b>109.298.647.816</b>
<b>II</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		
1	Phải trả phí phát hành và mua lại chứng chỉ Quỹ	313	8	47.415.955
2	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	9	1.128.001
3	Chi phí phải trả	316	10	436.188.929
4	Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ Quỹ	318	11	1.040.275.822
5	Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	319	12	69.761.793
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ (300= 313 + 314 + 316 + 318 + 319)</b>				<b>1.594.770.500</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**  
**Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 02 - QM

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND
<b>III</b>	<b>GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ (400=100-300)</b>	<b>400</b>		<b>107.703.877.316</b>
1	Vốn góp của Nhà đầu tư	411	13	149.226.282.700
1.1	Vốn góp phát hành	412		241.031.116.300
1.2	Vốn góp mua lại	413		(91.804.833.600)
2	Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư	414		24.760.789.399
3	Lỗ lũy kế	420	14	(66.283.194.783)
<b>IV</b>	<b>GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ (430=400/004)</b>	<b>430</b>		<b>7.217,48</b>
<b>VI</b>	<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH</b>			
1	Số lượng chứng chỉ Quỹ đang lưu hành	004	21	14.922.628,27

Ngày 7 tháng 3 năm 2014

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng Giám sát Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam



Nguyễn Minh Đăng Khánh  
 Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính

Trần Thanh Tân  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

**Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ Quỹ cho giai đoạn từ ngày 19 tháng 4 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013**

Mẫu B 03 - QM

STT	Chỉ tiêu	Từ ngày 19/4/2013 đến ngày 31/12/2013 VND
I	Giá trị Tài sản ròng của Quỹ ("NAV") đầu kỳ (Tại ngày 18/4/2013 - là ngày chuyển đổi từ Quỹ đóng sang Quỹ mở)	175.950.091.941
II	Thay đổi NAV của Quỹ trong kỳ	(1.795.686.724)
	Trong đó:	
II.1	Thay đổi NAV của Quỹ do biến động thị trường và hoạt động đầu tư của Quỹ	(1.795.686.724)
III	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ Quỹ	(66.450.527.901)
III.1	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ Quỹ	435.000.000
III.2	Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ Quỹ	(66.885.527.901)
IV	NAV cuối kỳ (IV= I + II + III)	107.703.877.316
V	NAV trên một đơn vị Quỹ cuối kỳ	7.217,48

Ngày 7 tháng 3 năm 2014

Đại diện có thẩm quyền của Ngân  
hàng Giám sát  
Ngân hàng TNHH một thành viên  
HSBC (Việt Nam)



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ  
Đầu tư Việt Nam



Nguyễn Minh Đăng Khánh  
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám  
đốc Tài chính

Trần Thanh Tân  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này



**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**  
**Báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013**

Mẫu B 04 - QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường/ giá đánh giá lại tại ngày 31/12/2013 VND	Tổng giá trị tại ngày 31/12/2013 VND	Tỷ lệ %/ Tổng giá trị tài sản của Quỹ
<b>I</b>	<b>Cổ phiếu niêm yết</b>				
	ASM	22.800	6.800	155.040.000	0,14%
	BMC	3.000	40.300	120.900.000	0,11%
	BVH	3.000	37.800	113.400.000	0,10%
	CII	57.400	19.300	1.107.820.000	1,01%
	CSM	3.800	36.000	136.800.000	0,13%
	CTG	7.000	16.200	113.400.000	0,10%
	DPM	3.500	41.500	145.250.000	0,13%
	DRC	3.000	39.000	117.000.000	0,11%
	EIB	8.000	12.500	100.000.000	0,09%
	FPT	3.000	47.100	141.300.000	0,13%
	GMD	5.800	33.600	194.880.000	0,18%
	HAG	6.000	20.500	123.000.000	0,11%
	HPG	4.000	41.100	164.400.000	0,15%
	HSG	3.000	41.300	123.900.000	0,11%
	IJC	17.000	9.000	153.000.000	0,14%
	ITA	21.500	6.600	141.900.000	0,13%
	MSN	9.000	82.500	742.500.000	0,68%
	NTL	11.000	14.200	156.200.000	0,14%
	OGC	15.000	10.800	162.000.000	0,15%
	PET	6.000	20.800	124.800.000	0,11%
	PPC	6.000	25.100	150.600.000	0,14%
	PVD	2.400	61.000	146.400.000	0,13%
	REE	5.000	29.600	148.000.000	0,14%
	SAM	18.000	8.400	151.200.000	0,14%
	SSI	7.000	18.000	126.000.000	0,12%
	VCB	5.000	26.800	134.000.000	0,12%
	VIC	4.000	70.000	280.000.000	0,26%
	VIS	12.000	11.300	135.600.000	0,12%
	VNM	1.000	135.000	135.000.000	0,12%
	VSH	9.000	14.800	133.200.000	0,12%
				<b>5.877.490.000</b>	<b>5,38%</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này*



**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**  
**Báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 04 - QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường/ giá đánh giá lại tại ngày 31/12/2013 VND	Tổng giá trị tại ngày 31/12/2013 VND	Tỷ lệ %/ Tổng giá trị tài sản của Quỹ
<b>II</b>	<b>Trái phiếu niêm yết</b>				
	Trái phiếu Chính phủ 9% 15/06/2015 (VNTD12150346)	500.000	102.327	51.163.500.000	46,81%
				<b>51.163.500.000</b>	<b>46,81%</b>
	<b>TỔNG CÁC LOẠI CHỨNG KHOÁN</b>			<b>57.040.990.000</b>	<b>52,19%</b>
<b>III</b>	<b>Các tài sản khác</b>				
	Phải thu về bán các khoản đầu tư			26.627.964.000	24,36%
	Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận			2.485.353.425	2,27%
	Các khoản phải thu khác			159.412.155	0,15%
				<b>29.272.729.580</b>	<b>26,78%</b>
<b>III</b>	<b>Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền</b>				
	Tiền gửi không kỳ hạn			2.984.928.236	2,73%
	Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng			20.000.000.000	18,30%
				<b>22.984.928.236</b>	<b>21,03%</b>
<b>VI</b>	<b>TỔNG GIÁ TRỊ DANH MỤC</b>			<b>109.298.647.816</b>	<b>100,00%</b>

Ngày 7 tháng 3 năm 2014

Đại diện có thẩm quyền của Ngân  
hàng Giám sát  
Ngân hàng TNHH một thành viên  
HSBC (Việt Nam)



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ  
Đầu tư Việt Nam



Nguyễn Minh Đăng Khánh  
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc  
Tài chính

Trần Thanh Tân  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 19 tháng 4 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (Phương pháp trực tiếp)****Mẫu B 05- QM**

<b>STT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Mã số</b>	<b>Từ ngày 19/4/2013 đến ngày 31/12/2013 VND</b>
<b>I</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		
1	Tiền đã chi mua các khoản đầu tư	01	(274.371.571.657)
2	Tiền đã thu từ bán các khoản đầu tư	02	289.400.623.986
3	Cổ tức đã nhận	03	608.700.000
4	Tiền lãi đã thu	04	10.489.639.519
5	Tiền chi trả lãi cho hoạt động của Quỹ	05	(4.384.232.960)
6	Tiền chi trả phí cho hoạt động của Quỹ	06	(2.676.501.588)
7	Tiền chi thanh toán các chi phí cho hoạt động mua, bán các khoản đầu tư (phí môi giới, phí chuyển tiền)	08	(449.076.040)
8	Tiền thu khác từ hoạt động đầu tư	09	16.803.282
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>20</b>	<b>18.634.384.542</b>
<b>II</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		
1	Tiền thu góp từ phát hành chứng chỉ Quỹ	21	435.000.000
2	Tiền chi thuần mua lại chứng chỉ Quỹ	22	(65.503.334.965)
3	Tiền chi thanh toán phí phát hành, phí mua lại, thuế liên quan đến giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ		(293.373.158)
4	Tiền vay gốc	23	70.895.400.000
5	Tiền chi trả nợ gốc vay	24	(70.895.400.000)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>30</b>	<b>(65.361.708.123)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này*

**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 19 tháng 4 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (Phương pháp trực tiếp) (tiếp theo)**

Mẫu B 05 - QM

STT	Chi tiêu	Mã số	Từ ngày 19/4/2013 đến ngày 31/12/2013 VND
III	Giảm tiền thuần trong kỳ (40=20+30)	40	(46.727.323.581)
IV	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	50	69.712.251.817
	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ	52	1.712.251.817
	- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng		68.000.000.000
V	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	55	22.984.928.236
	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ	57	2.984.928.236
	- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng		20.000.000.000
VI	Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong kỳ (60=55-50)	60	(46.727.323.581)

Ngày 7 tháng 3 năm 2014

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng Giám sát  
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam



Nguyễn Minh Đăng Khánh  
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính

Trần Thanh Tân  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này



## **Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 19 tháng 4 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013**

**Mẫu B 06 - QM**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

### **1. Thông tin về Quỹ**

Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam (“Quỹ”) trước đây được thành lập dưới hình thức quỹ đại chúng dạng đóng theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập số 14/UBCK-GCN do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp ngày 2 tháng 4 năm 2010.

Chứng chỉ Quỹ được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép niêm yết chứng chỉ quỹ số 142/QĐ-SGDHCM ngày 9 tháng 7 năm 2010 và hủy niêm yết ngày 11 tháng 3 năm 2013 theo Quyết định số 31/2013/QĐ-SGDHCM ngày 31 tháng 1 năm 2013 cho mục đích chuyển đổi từ Quỹ đóng sang Quỹ mở.

Quỹ đã chính thức được chuyển đổi thành Quỹ đầu tư đại chúng dạng quỹ mở vào ngày 19 tháng 4 năm 2013 theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Lập Quỹ đại chúng dạng mở số 03/GCN-UBCK ngày 18 tháng 4 năm 2013 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam cấp.

Theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Lập Quỹ này, tổng số vốn Điều Lệ của Quỹ là 240.437.600.000 Đồng Việt Nam tương đương với 24.043.760 chứng chỉ Quỹ và không bị giới hạn về thời gian hoạt động. Quỹ hoạt động theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ ban hành vào tháng 4 năm 2013 và sửa đổi bổ sung vào tháng 10 năm 2013.

Mục tiêu chính của Quỹ là nắm bắt được xu hướng tăng trung hạn và dài hạn của thị trường chứng khoán Việt Nam, song song với mục tiêu bảo toàn vốn khi thị trường diễn biến không thuận lợi, dựa trên mô hình đầu tư theo xu hướng (trend-following). Công ty Quản lý Quỹ thực hiện việc đầu tư của Quỹ bằng các hình thức đầu tư mà pháp luật hiện hành cho phép. Ngoài ra, mục tiêu của Quỹ có thể được thay đổi hoàn toàn theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và báo cáo với Ủy ban chứng khoán nhà nước.

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ bao gồm chứng khoán của ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành, đồng thời phải đảm bảo:

- a. Không được nắm giữ quá bốn chín phần trăm (49%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền gửi tại các ngân hàng thương mại; công cụ thị trường tiền tệ, ngoại tệ, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
- b. Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền gửi tại các ngân hàng thương mại; công cụ thị trường tiền tệ, ngoại tệ, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về ngân hàng; cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro và tài sản là cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, đăng ký giao dịch phát hành bởi một tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam, phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau; trong đó phần chứng khoán phái sinh bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại khoản 3, Điều 56 Điều lệ Quỹ;



## Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 19 tháng 4 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 06- QM

- c. Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu, cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu ưu đãi không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi (trừ trái phiếu chính phủ);
- d. Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó;
- e. Không đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tài sản là cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam;
- f. Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- g. Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- h. Không được đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;
- i. Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm.

Trừ trường hợp quy định tại điểm g, h, i, cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch nhưng không quá mười lăm phần trăm (15%) so với các hạn chế nêu trên và chỉ do các nguyên nhân sau:

- a. Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- b. Thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của Quỹ;
- c. Thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- d. Hoạt động hợp nhất, sáp nhập, thôn tóm các tổ chức phát hành;
- e. Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ;
- f. Quỹ đang trong thời gian giải thể.

Quỹ được định giá hàng tuần và hàng tháng. Ngày định giá là ngày thứ Sáu hàng tuần đối với kỳ định giá tuần và ngày đầu tiên của tháng tiếp theo đối với kỳ định giá tháng. Trong trường hợp ngày định giá của kỳ định giá hàng tuần rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó. Đối với kỳ định giá hàng tháng, ngày định giá là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo và không thay đổi kể cả trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ. Quỹ thực hiện giao dịch chứng chỉ Quỹ hai (02) lần trong một (01) tháng vào ngày thứ Sáu thứ hai và thứ Sáu thứ tư trong tháng.

Quỹ không có cán bộ công nhân viên và được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam, là công ty quản lý quỹ được thành lập tại Việt Nam. Quỹ được giám sát bởi Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

## **Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 19 tháng 4 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 06- QM**

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính được lập theo Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở, Thông tư 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 về quy chế thành lập và quản lý quỹ mở, do Bộ Tài chính ban hành, Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính đính kèm được lập không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Quỹ theo nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán được áp dụng ở Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Theo Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ mở, các báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm các báo cáo sau:

- Báo cáo thu nhập;
- Báo cáo tình hình tài chính;
- Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng và giao dịch chứng chỉ Quỹ;
- Báo cáo danh mục đầu tư;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; và
- Các thuyết minh báo cáo tài chính.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính của Quỹ được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ và những khoản mục được trình bày trong Thuyết minh 3(d).

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Quỹ là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Các báo cáo tài chính này cho kỳ tài chính đầu tiên của Quỹ bắt đầu từ ngày 19 tháng 4 năm 2013 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013. Ngày 19 tháng 4 năm 2013 được tính là ngày bắt đầu niên độ kế toán đầu tiên của Quỹ kể từ ngày Quỹ được cấp giấy phép chuyển đổi từ hình thức quỹ đóng sang quỹ mở. Ngày 18 tháng 4 năm 2013 được tính là ngày chốt danh mục để xác định giá trị tài sản ròng lần cuối cùng cho quỹ đóng.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).



**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 19 tháng 4 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 06- QM**

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Quỹ áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo thu nhập của Quỹ.

**(b) Hình thức sổ kế toán**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký chung.

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn không quá ba (03) tháng tại ngân hàng. Các khoản tương đương tiền có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, và không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các nhu cầu tiền mặt hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

**(d) Đầu tư chứng khoán**

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các khoản chi phí liên quan đến việc mua các khoản đầu tư đó kể cả phí môi giới, phí giao dịch và phí ngân hàng và được đánh giá lại tại ngày của báo cáo tình hình tài chính theo phương pháp xác định giá trị nêu tại mục 3(d)(iii). Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập.

**(i) Phân loại**

Quỹ phân loại các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

**(ii) Ghi nhận**

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày giao dịch.

## **Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 19 tháng 4 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 06- QM**

### **(iii) Xác định giá trị**

Quỹ đánh giá lại các khoản đầu tư tại ngày của báo cáo tài chính theo Sổ tay Định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản qui định tại điều lệ Quỹ, thông tư 183/2011/TT-BTC và đã được Ban đại diện Quỹ phê duyệt. Cụ thể như sau:

#### **Trái phiếu**

##### **▪ Trái phiếu niêm yết**

- Giá yết hoặc tên gọi khác (giá sạch), tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán, trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán cho các giao dịch mua bán thông thường (outright) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế;
- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá hoặc chỉ có các giao dịch với giá có nhiều biến động bất thường theo quy định tại Sổ tay Định giá và đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau:
  - + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận (chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc
  - + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc
  - + Mệnh giá cộng lãi lũy kế.

##### **▪ Trái phiếu không niêm yết**

Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau:

- Giá yết hoặc tên gọi khác (giá sạch) trên các hệ thống báo giá trái phiếu không niêm yết (nếu có), tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán, tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế; hoặc
- Giá trị trung bình dựa trên báo giá (giá trung bình của các giao dịch trong kỳ) của tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban Đại Diện (BDD) Quỹ phê duyệt; hoặc
- Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc
- Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc
- Mệnh giá cộng lãi lũy kế.

#### **Cổ phiếu**

- Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh hoặc trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
  - Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao dịch Chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;
  - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau:



## **Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 19 tháng 4 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 06- QM**

- + Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng 12 tháng trước ngày định giá; hoặc
  - + Giá mua; hoặc
  - + Giá trị sổ sách ; hoặc
  - + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
- **Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch**  
Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau:
    - Giá trị sổ sách; hoặc
    - Mệnh giá; hoặc
    - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
  - **Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản**  
Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau:
    - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày của báo cáo tình hình tài chính gần nhất trước ngày định giá; hoặc
    - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
  - **Quyền mua cổ phiếu**  
Quyền mua cổ phiếu được hạch toán ban đầu vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không. Quyền mua cổ phiếu này được đánh giá lại và hạch toán vào ngày của báo cáo tình hình tài chính theo giá thị trường của cổ phiếu đó sau khi trừ giá cam kết mua nhân với tỷ lệ thực hiện quyền mua cổ phiếu đó.
  - **Cổ phiếu thưởng và cổ tức bằng cổ phiếu**  
Cổ phiếu thưởng và cổ tức bằng cổ phiếu được hạch toán ban đầu vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không và được đánh giá lại theo giá trị thị trường và phản ánh trong báo cáo tài chính vào ngày của báo cáo tình hình tài chính.

#### ***Chứng khoán phái sinh***

- **Chứng khoán phái sinh niêm yết**  
Giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
- **Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng 2 tuần trở lên**  
Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

## **Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 19 tháng 4 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 06- QM**

### ***Các khoản đầu tư đem đi thế chấp***

Các khoản đầu tư trái phiếu chính phủ có thể được Quỹ mang đi thế chấp trong giao dịch mua bán lại (repo) trái phiếu chính phủ. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ của Quỹ là giao dịch theo đó Quỹ bán và chuyển giao quyền sở hữu trái phiếu chính phủ cho một bên khác, đồng thời cam kết sẽ mua lại và nhận lại quyền sở hữu trái phiếu chính phủ đó sau một thời gian cụ thể với một mức giá xác định. Thời hạn giao dịch mua bán tối thiểu là hai (02) ngày và tối đa là một trăm tám mươi (180) ngày. Lãi mua bán lại chính là chênh lệch giữa giá mua lại với giá mua ban đầu, được phân bổ định kỳ và ghi nhận là chi phí lãi vay trong báo cáo thu nhập của Quỹ. Quyền hưởng lãi trái phiếu và các thu nhập liên quan (nếu có) từ trái phiếu chính phủ trong giao dịch mua bán lại thuộc về bên bán.

Trái phiếu chính phủ khi được bán trong giao dịch mua bán lại vẫn được ghi nhận trong danh mục đầu tư của Quỹ, theo dõi trên khoản mục riêng biệt, và được đánh giá lại tại ngày lập báo cáo tài chính theo nguyên tắc trình bày trong mục 3(d).

### ***Các khoản đầu tư khác***

Giá xác định theo phương pháp đã được qui định của pháp luật cho phép và được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

Chi tiết về phương pháp định giá các tài sản của Quỹ đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt và trình bày trong Sổ tay định giá có hiệu lực gần nhất ngày 21/10/2013.

#### **(iv) *Chấm dứt ghi nhận***

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận lương tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền vào cuối ngày giao dịch.

#### **(e) *Các khoản phải thu***

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, cổ tức, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi ngân hàng và phải thu khác. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

#### **(f) *Các khoản phải trả***

Phải trả hoạt động đầu tư và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

#### **(g) *Dự phòng***

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Quỹ có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.



## Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 19 tháng 4 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 06- QM

### (h) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Quỹ và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Quỹ phân loại các công cụ tài chính như sau:

### (i) Tài sản tài chính

*Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập.*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Quỹ phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Quỹ xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Quỹ có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Quỹ xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập;
- các tài sản tài chính đã được Quỹ xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Quỹ có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Quỹ xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập;
- các khoản được Quỹ xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.



## **Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 19 tháng 4 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 06- QM**

### *Tài sản sẵn sàng để bán*

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

### **(ii) *Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập***

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Quỹ phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
  - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Quỹ xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập.

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

### **(i) Thuế**

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia các giao dịch với Quỹ như sau:

#### ***Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư***

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 và Thông tư 84/2008/TT-BTC ngày 30/09/2008 do Bộ Tài chính ban hành. Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ cần giữ lại 25% lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo qui định của pháp luật). Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho cá nhân đầu tư vốn, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng số cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%.



## **Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 19 tháng 4 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 06- QM**

### ***Giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ***

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán chưa niêm yết là 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Công văn 12501/BTC-CST ngày 20/09/2010 do Bộ Tài chính ban hành. Đối với nhà đầu tư là tổ chức trong nước, Công ty Quản lý Quỹ sẽ không giữ lại khoản thuế này và đối tượng này phải có trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế cho nhà nước.

### **(j) Chứng chỉ Quỹ và Giá trị tài sản ròng có thể phân phối cho nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ Quỹ mở**

Chứng chỉ Quỹ có thể được nhà đầu tư bán lại cho Quỹ vào các ngày giao dịch để đổi lại một lượng tiền tương ứng dựa trên Giá trị tài sản ròng có thể phân phối cho nhà đầu tư đang nắm giữ chứng chỉ Quỹ mở tại ngày trước ngày giao dịch.

Quỹ phát hành và mua lại chứng chỉ Quỹ tại các ngày giao dịch được công bố dựa trên giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ. Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ được tính bằng cách chia giá trị tài sản ròng của Quỹ cho tổng số chứng chỉ Quỹ đang lưu hành tại ngày trước ngày giao dịch.

Tất cả các chứng chỉ Quỹ phát hành cho nhà đầu tư đều có các quyền biểu quyết, quyền hưởng cổ tức, quyền được bán lại và các quyền khác như nhau. Mỗi chứng chỉ Quỹ đã phát hành tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp thường niên của Quỹ và có quyền được hưởng cổ tức mà Quỹ công bố vào từng thời điểm.

Giá trị tài sản ròng có thể phân phối cho nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ Quỹ mở đồng thời cũng phản ánh lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối và vốn góp của Nhà đầu tư của Quỹ (gồm vốn góp theo mệnh giá và thặng dư vốn góp). Trong đó, vốn góp của Nhà đầu tư của Quỹ bao gồm vốn góp phát hành trừ đi vốn góp mua lại.

### **(k) Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng tương đối chắc chắn nhận được các lợi ích kinh tế và các khoản doanh thu này có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Các tiêu chuẩn cụ thể sau đây phải được đáp ứng trước khi doanh thu được ghi nhận:

#### ***(i) Thu nhập lãi tiền gửi, lãi trái phiếu và cổ tức***

Thu nhập lãi tiền gửi và lãi trái phiếu được ghi nhận trong báo cáo thu nhập trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi không chắc chắn. Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức của Quỹ được xác lập.

#### ***(ii) Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán***

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 19 tháng 4 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 06- QM**

**(l) Chi phí**

Các khoản chi phí được ghi nhận trong báo cáo thu nhập trên cơ sở dồn tích.

**(m) Giá trị tài sản ròng trên mỗi đơn vị Quỹ**

Giá trị tài sản ròng trên mỗi đơn vị Quỹ được tính bằng cách chia giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số đơn vị Quỹ đang lưu hành tại ngày của báo cáo tình hình tài chính. Giá trị tài sản ròng được xác định bằng cách lấy tổng tài sản trừ đi tổng nợ phải trả.

**(n) Báo cáo bộ phận**

Quỹ hoạt động như một bộ phận.

**(o) Các bên liên quan**

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Các quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và công ty mẹ của Công ty Quản lý Quỹ được xem là các bên liên quan với Quỹ.

**(p) Số dư bằng không**

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở và Chế độ Kế toán Việt Nam không được thể hiện trong báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.



## Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 19 tháng 4 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 06- QM

### 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

31/12/2013  
VND

#### Tiền gửi không kỳ hạn

Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)

- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ

2.984.928.236

#### Tiền gửi có kỳ hạn

Ngân Hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam

20.000.000.000

---

22.984.928.236

---

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân Hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam với kỳ hạn gốc từ 3 tháng trở xuống kể từ ngày giao dịch. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này hưởng lãi suất trong kỳ là 7% một năm.

### 5. Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư bao gồm đầu tư chứng khoán. Tất cả các công ty được đầu tư (niêm yết và chưa niêm yết) như trên báo cáo danh mục đầu tư đều được thành lập và hoạt động tại Việt Nam.

Quỹ không tham gia vào các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động hàng ngày của các công ty được Quỹ đầu tư. Theo đó, Quỹ không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến các công ty được đầu tư và do đó các khoản đầu tư của Quỹ được ghi nhận trên cơ sở được trình bày ở thuyết minh 3(d), thay vì được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu hay hợp nhất.

Chi tiết các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày 31/12/2013 được trình bày như sau:

	Giá mua VND	Lãi/(lỗ) do đánh giá lại VND	Giá thị trường tại ngày 31/12/2013 VND
Cổ phiếu niêm yết	5.742.365.775	135.124.225	5.877.490.000
Trái phiếu niêm yết	51.360.226.027	(196.726.027)	51.163.500.000
	57.102.591.802	(61.601.802)	57.040.990.000

### 6. Phải thu về bán các khoản đầu tư

Phải thu về bán các khoản đầu tư thể hiện số tiền phải thu từ thanh lý các khoản đầu tư đối với cổ phiếu niêm yết được nhận sau ba ngày làm việc kể từ ngày giao dịch (T+3) theo thông lệ kinh doanh chứng khoán hiện hành tại Việt Nam.

**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 19 tháng 4 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 06- QM**

**7. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận**

**31/12/2013  
VND**

Dự thu cổ tức	5.600.000
Dự thu trái tức	2.465.753.425
Dự thu lãi tiền gửi	14.000.000
	<hr/>
	2.485.353.425
	<hr/> <hr/>

**8. Phải trả phí phát hành và mua lại chứng chỉ Quỹ**

**31/12/2013  
VND**

Phải trả phí phát hành và phí mua lại chứng chỉ quỹ cho các Đại lý phân phối	4.662.520
Phải trả phí phát hành và phí mua lại chứng chỉ quỹ cho công ty quản lý Quỹ	42.753.435
	<hr/>
	47.415.955
	<hr/> <hr/>

**9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

**31/12/2013  
VND**

Thuế thu nhập cá nhân phải trả do khấu trừ từ giao dịch mua lại Chứng chỉ Quỹ	1.128.001
	<hr/>
	1.128.001
	<hr/> <hr/>

**10. Chi phí phải trả**

**31/12/2013  
VND**

Phải trả phí báo cáo thường niên	143.026.800
Phải trả phí kiểm toán	130.900.000
Phải trả phí họp đại hội	68.924.625
Phải trả phí môi giới	59.014.923
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	34.322.581
	<hr/>
	436.188.929
	<hr/> <hr/>

**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 19 tháng 4 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 06- QM**

**11. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ Quỹ**

Phải trả cho nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ Quỹ thể hiện số tiền phải trả cho nhà đầu tư đã đăng ký bán chứng chỉ Quỹ hợp lệ có thời hạn thanh toán là không quá năm (05) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch chứng chỉ Quỹ.

**31/12/2013  
VND**

Phải trả cho nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ Quỹ hợp lệ chưa đến hạn thanh toán

1.040.275.822

---

---

**12. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ**

**31/12/2013  
VND**

Phải trả phí lưu ký

23.250.000

- *Phải trả phí dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản*

18.000.000

- *Phải trả phí dịch vụ lưu ký - giao dịch thanh toán bù trừ chứng khoán*

5.250.000

Phải trả phí giám sát

6.600.001

Phải trả phí quản trị Quỹ

10.999.999

Phải trả phí dịch vụ đại lý chuyên nhượng

28.911.793

---

69.761.793

---

---



**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 19 tháng 4 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)****Mẫu B 06- QM****13. Vốn góp của nhà đầu tư**

Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 03/GCN-UBCK ngày 18/4/2013, vốn điều lệ của Quỹ là 240.437.600.000 VND tương ứng với 24.043.760 chứng chỉ Quỹ theo mệnh giá 10.000 VND trên một chứng chỉ Quỹ. Đây cũng chính là số lượng chứng chỉ Quỹ tại thời điểm chuyển đổi từ Quỹ đóng sang Quỹ mở. Do Quỹ hoạt động theo hình thức Quỹ mở nên vốn góp của Quỹ và số lượng chứng chỉ Quỹ thay đổi sau mỗi kỳ giao dịch chứng chỉ Quỹ.

Biến động vốn góp trong kỳ như sau:

	<b>Tại ngày chuyển đổi quỹ đóng thành quỹ mở (18/4/2013)</b> VND	<b>Phát sinh trong kỳ</b> VND	<b>Tại ngày 31/12/2013</b> VND
<b>Vốn góp phát hành</b>			
Số lượng	24.043.760	59.351,63	24.103.111,63
NAV bình quân	10.000	7.329,20	9.993,42
Giá trị ghi theo mệnh giá	240.437.600.000	593.516.300	241.031.116.300
Thặng dư vốn (*)		(158.516.300)	(158.516.300)
Tổng giá trị phát hành Chứng chỉ Quỹ	240.437.600.000	435.000.000	240.872.600.000
<b>Vốn góp mua lại</b>			
Số lượng	-	(9.180.483,36)	(9.180.483,36)
NAV bình quân	-	7.285,62	7.285,62
Giá trị ghi theo mệnh giá	-	(91.804.833.600)	(91.804.833.600)
Thặng dư vốn góp mua lại của nhà đầu tư	-	24.919.305.699	24.919.305.699
Tổng giá trị mua lại Chứng chỉ Quỹ mở	-	(66.885.527.901)	(66.885.527.901)
<b>Giá trị vốn góp hiện hành</b>	240.437.600.000		173.987.072.099
<b>Lỗ chưa phân phối</b>	(64.487.508.059)	(1.795.686.724)	(66.283.194.783)
<b>NAV hiện hành</b>	175.950.091.941		107.703.877.316
<b>Số lượng Chứng chỉ Quỹ hiện hành</b>	24.043.760		14.922.628,27
<b>NAV hiện hành/1 Chứng chỉ Quỹ</b>	7.318,00		7.217,48

(\*) Tại ngày chuyển đổi, Quỹ không có thặng dư vốn góp do kế thừa từ Quỹ đóng không có thặng dư vốn góp.

**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 19 tháng 4 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 06- QM

**14. Lỗ lũy kế**

	<b>Từ ngày 19/4/2013 đến ngày 31/12/2013 VND</b>
Lỗ lũy kế đầu kỳ	(64.487.508.059)
Lỗ thuần trong kỳ	(1.795.686.724)
Trong đó	
<i>Lỗ đã thực hiện chưa phân phối</i>	(1.734.084.922)
<i>Lỗ chưa thực hiện</i>	(61.601.802)
	<hr/>
Lỗ lũy kế cuối kỳ	<u>(66.283.194.783)</u>

**15. Lỗ bán các khoản đầu tư**

	<b>Từ ngày 19/4/2013 đến ngày 31/12/2013</b>		
	<b>Tổng giá trị bán VND</b>	<b>Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND</b>	<b>Lỗ bán chứng khoản trong kỳ VND</b>
Cổ phiếu niêm yết	142.017.951.000	144.942.681.225	(2.924.730.225)
Trái phiếu niêm yết	71.510.636.986	72.326.298.630	(815.661.644)
	<hr/>		
	213.528.587.986	217.268.979.855	(3.740.391.869)

**16. Chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư**

	<b>Giá mua VND</b>	<b>Giá thị trường tại ngày 31/12/2013 VND</b>	<b>Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2013 VND</b>
Cổ phiếu niêm yết	5.742.365.775	5.877.490.000	135.124.225
Trái phiếu niêm yết	51.360.226.027	51.163.500.000	(196.726.027)
	<hr/>		
	57.102.591.802	57.040.990.000	(61.601.802)

**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 19 tháng 4 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 06- QM

**17. Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư**

**Từ ngày 19/4/2013  
đến ngày 31/12/2013  
VND**

Chi phí giao dịch mua các khoản đầu tư	265.820.854
Chi phí giao dịch bán các khoản đầu tư	242.270.109
	<hr/>
	508.090.963
	<hr/> <hr/>

**(a) Chi phí giao dịch mua các khoản đầu tư**

**Từ ngày 19/4/2013  
đến ngày 31/12/2013  
VND**

Chi phí giao dịch mua cổ phiếu niêm yết	226.027.622
Chi phí giao dịch mua trái phiếu niêm yết	39.793.232
	<hr/>
	265.820.854
	<hr/> <hr/>

**(b) Chi phí giao dịch bán các khoản đầu tư**

**Từ ngày 19/4/2013  
đến ngày 31/12/2013  
VND**

Chi phí giao dịch bán cổ phiếu niêm yết	213.026.929
Chi phí giao dịch bán trái phiếu niêm yết	29.243.180
	<hr/>
	242.270.109
	<hr/> <hr/>



**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 19 tháng 4 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 06 - QM**

Trong giai đoạn từ ngày 19/4/2013 đến ngày 31/12/2013, giao dịch của Quỹ thực hiện chủ yếu thông qua các công ty chứng khoán sau:

STT (1)	Tên (mã) các Công ty chứng khoán có giá trị giao dịch vượt quá 5% tổng giá trị giao dịch của Quỹ trong kỳ (2)	Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ (3)	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng công ty chứng khoán		Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua công ty chứng khoán trong kỳ báo cáo (6)=(4)/(5)(%)	Phí giao dịch bình quân (7)	Phí giao dịch bình quân trên thị trường (8)
			Giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ VND	Tổng giá trị giao dịch trong kỳ báo cáo của Quỹ VND			
1	Công ty CP Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh	Không liên quan	112.110.913.000	630.058.617.260	17,79%	0,15%	0,15%-0,5%
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Không liên quan	283.067.232.561	630.058.617.260	44,93%	0,04%	0,15%-0,5%
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	Không liên quan	234.880.471.699	630.058.617.260	37,28%	0,09%	0,15%-0,5%
<b>Tổng</b>			<b>630.058.617.260</b>		<b>100,00%</b>		

**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 19 tháng 4 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 06 - QM

**18. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại diện Quỹ**

**Từ ngày 19/4/2013  
 đến ngày 31/12/2013  
 VND**

Thù lao Ban Đại diện Quỹ	154.699.996
Chi phí hoạt động của Ban Đại diện Quỹ	69.486.125
	224.186.121

**19. Chi phí hoạt động khác**

**Từ ngày 19/4/2013  
 đến ngày 31/12/2013  
 VND**

Chi phí báo cáo thường niên	92.813.405
Chi phí hoạt động khác	41.043.112
	133.856.517

**20. Giá trị tài sản ròng**

**Từ ngày 19/4/2013 đến ngày 31/12/2013**

STT	Kỳ tính NAV	NAV/ICCCQ			
		NAV VND	Số lượng CCQ CCQ	tại ngày tính NAV VND/CCQ	Tăng/Giảm NAV/ICCCQ VND/CCQ
	Tại ngày chuyển đổi quỹ đóng thành quỹ mở (18/4/2013)	175.950.091.941	24.043.760,00	7.318,00	-
1	25/4/2013	175.920.106.420	24.043.760,00	7.317,00	(1,00)
2	30/4/2013	158.470.559.496	21.639.494,53	7.323,00	6,00
3	2/5/2013	158.532.425.478	21.639.494,53	7.326,00	3,00
4	9/5/2013	158.731.232.958	21.639.494,53	7.335,00	9,00
5	16/5/2013	143.022.173.773	19.475.469,56	7.344,00	9,00
6	23/5/2013	142.711.014.414	19.475.469,56	7.328,00	(16,00)
7	30/5/2013	135.592.402.338	18.313.236,74	7.404,00	76,00



**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 19 tháng 4 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 06- QM

Từ ngày 19/4/2013 đến ngày 31/12/2013

STT	Kỳ tính NAV	NAV/1CCQ			
		NAV VND	Số lượng CCQ	tại ngày tính NAV VND/CCQ	Tăng/Giảm NAV/1CCQ VND/CCQ
8	31/5/2013	135.257.551.908	18.313.236,74	7.386,00	(18,00)
9	6/6/2013	135.242.738.416	18.313.236,74	7.385,00	(1,00)
10	13/6/2013	134.850.029.589	18.313.236,74	7.364,00	(21,00)
11	20/6/2013	129.591.148.335	18.014.631,63	7.194,00	(170,00)
12	27/6/2013	128.300.095.845	18.014.631,63	7.122,00	(72,00)
13	30/6/2013	127.723.968.373	17.939.091,63	7.120,00	(2,00)
14	4/7/2013	127.844.653.490	17.939.091,63	7.127,00	7,00
15	11/7/2013	127.535.245.007	17.939.091,63	7.109,00	(18,00)
16	18/7/2013	127.779.934.745	17.939.091,63	7.123,00	14,00
17	25/7/2013	127.694.596.494	17.939.091,63	7.118,00	(5,00)
18	31/7/2013	127.019.897.831	17.922.441,63	7.087,00	(31,00)
19	1/8/2013	127.056.089.250	17.922.441,63	7.089,00	2,00
20	8/8/2013	123.065.900.973	17.922.441,63	6.867,00	(222,00)
21	15/8/2013	123.239.403.734	17.920.441,63	6.877,00	10,00
22	22/8/2013	127.670.817.064	17.920.441,63	7.124,00	247,00
23	29/8/2013	125.947.864.630	17.764.941,63	7.090,00	(34,00)
24	31/8/2013	125.977.728.801	17.764.941,63	7.091,00	1,00
25	5/9/2013	126.151.499.023	17.764.941,63	7.101,00	10,00
26	12/9/2013	126.319.753.060	17.764.941,63	7.111,00	10,00
27	19/9/2013	127.343.706.196	17.718.591,63	7.187,00	76,00
28	26/9/2013	122.283.195.843	17.718.591,63	6.901,00	(286,00)
29	30/9/2013	122.365.478.292	17.718.591,63	6.906,00	5,00
30	3/10/2013	125.766.425.078	17.718.591,63	7.098,00	192,00
31	10/10/2013	125.797.500.572	17.718.591,63	7.100,00	2,00
32	17/10/2013	126.875.853.037	17.718.591,63	7.160,60	60,60
33	24/10/2013	127.455.851.199	17.718.591,63	7.193,33	32,73
34	31/10/2013	123.267.105.747	17.218.591,63	7.158,95	(34,38)
35	7/11/2013	123.527.610.376	17.218.591,63	7.174,08	15,13
36	14/11/2013	120.055.721.009	16.716.091,63	7.182,04	7,96
37	21/11/2013	120.214.954.905	16.716.091,63	7.191,57	9,53
38	28/11/2013	116.868.552.283	16.216.091,63	7.206,94	15,37
39	30/11/2013	116.919.079.160	16.216.091,63	7.210,06	3,12
40	5/12/2013	117.379.085.942	16.216.091,63	7.238,43	28,37
41	12/12/2013	117.417.605.786	16.216.091,63	7.240,80	2,37
42	19/12/2013	109.410.881.329	15.067.361,63	7.261,44	20,64
43	26/12/2013	108.981.994.697	15.067.361,63	7.232,98	(28,46)
44	31/12/2013	107.703.877.316	14.922.628,27	7.217,48	(15,50)

**Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ**

**131.260.582.771**



**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 19 tháng 4 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 06- QM

Từ ngày 19/4/2013 đến ngày 31/12/2013

STT	Kỳ tính NAV	NAV/1CCQ		Tăng/Giảm NAV/1CCQ VND/CCQ
		NAV VND	Số lượng CCQ	

**Biến động NAV trên một Đơn vị chứng chỉ Quỹ trong kỳ**

Mức Cao Nhất (VND/CCQ)	7.404,00
Mức Thấp Nhất (VND/CCQ)	6.867,00

**21. Số lượng chứng chỉ Quỹ đang lưu hành**

	31/12/2013 CCQ
Số lượng chứng chỉ Quỹ đang lưu hành được nhà đầu tư nắm giữ không quá một năm	14.922.628,27

**22. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan và các hợp đồng then chốt khác**

**(a) Các bên liên quan**

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam**

	Từ ngày 19/4/2013 đến ngày 31/12/2013 VND
Phí quản lý Quỹ	1.282.956.413

Theo Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ được nhận phí quản lý Quỹ tối đa là 2% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ. Tỷ lệ phí quản lý Quỹ được Công ty Quản lý Quỹ xác định trong từng giai đoạn đảm bảo tổng phí quản lý Quỹ và các phí khác mà Quỹ trả cho Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật. Phí quản lý Quỹ trong thời gian đầu ngay sau khi Quỹ được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ là 1,78% NAV trong năm đã được Công ty Quản lý Quỹ thông báo tại Đại hội nhà Đầu tư thường niên của Quỹ ngày 24 tháng 4 năm 2013. Phí được tính vào mỗi kỳ định giá trong năm dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá. Số phí trả cho Công ty Quản lý Quỹ là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá đã thực hiện trong kỳ báo cáo trừ đi điều chỉnh (nếu có) vào cuối kỳ báo cáo để đảm bảo tổng phí quản lý Quỹ và các phí khác mà Quỹ trả tuân thủ các quy định của pháp luật.

**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 19 tháng 4 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 06- QM

**Ban Đại diện Quỹ**

**Từ ngày 19/4/2013**  
**đến ngày 31/12/2013**  
**VND**

Thù lao Ban Đại diện Quỹ

154.699.996

Ngoài tiền thù lao theo quy định tại Điều lệ Quỹ, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong đó thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích trọng yếu. Thù lao của thành viên Ban Đại diện Quỹ được ghi nhận là chi phí của Quỹ trong báo cáo thu nhập.

**Tỷ lệ chứng chỉ Quỹ mà các bên liên quan nắm giữ**

<b>Các bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>31/12/2013</b>
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Tổ chức có liên quan đến Công ty Quản lý Quỹ	13,40%
Dominic Timothy Charles Scriven	Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của Công ty Quản lý Quỹ	6,70%
Lương Thị Mỹ Hạnh	Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ	0,09%
Lê Hoàng Anh	Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của Công ty Quản lý Quỹ	0,17%
Nguyễn Minh Đăng Khánh	Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ	0,02%
Nguyễn Anh Nguyên	Người điều hành Quỹ	0,02%
		<hr/> <b>20,40%</b> <hr/>

**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 19 tháng 4 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 06- QM

**(b) Các hợp đồng then chốt khác**

**Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) - Ngân hàng Giám sát**

	<b>Từ ngày 19/4/2013 đến ngày 31/12/2013 VND</b>
Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ	145.407.829
- <i>Phí lưu ký-bảo quản tài sản</i>	133.119.590
- <i>Phí lưu ký-giao dịch thanh toán bù trừ chứng khoán</i>	5.250.000
- <i>Phí lưu ký trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán</i>	7.038.239
Phí dịch vụ giám sát	14.405.952
Phí dịch vụ quản trị Quỹ	92.399.999
Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	488.927.599
	741.141.379
	741.141.379

Quỹ đã chỉ định ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) (“HSBC”) làm Ngân hàng Lưu ký tài sản và Giám sát hoạt động của Quỹ. HSBC đồng thời được ủy quyền từ Công ty Quản lý Quỹ để cung cấp dịch vụ Quản trị Quỹ và dịch vụ Đại lý chuyển nhượng cho Quỹ. Theo điều lệ Quỹ, Quỹ có nghĩa vụ phải thanh toán phí lưu ký, giám sát tài sản, phí quản trị quỹ và phí đại lý chuyển nhượng hàng tháng cho tổ chức cung cấp dịch vụ tương ứng. Phí được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính cho các kỳ định giá trong tháng không nhỏ hơn mức phí tối thiểu và không vượt quá mức phí tối đa, cụ thể như sau:

- Phí giám sát là 0,02% NAV/năm.
- Phí lưu ký là 0,06% NAV/năm.
- Phí giao dịch thanh toán bù trừ chứng khoán là 150.000 đồng cho một giao dịch nhưng không vượt quá 0,15% NAV/năm tính trên NAV trung bình của các kỳ định giá.
- Phí lưu ký trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (“TTLKCK”) là phí do HSBC thu hàng tháng theo biểu phí của TTLKCK sau đó thanh toán lại cho TTLKCK.
- Phí dịch vụ quản trị Quỹ là 0,035% NAV/năm.
- Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng bao gồm hai nhóm phí như sau:
  - Nhóm phí tính trên giá trị tài sản ròng hoặc giá trị giao dịch gồm:
    - + Phí duy trì nhà đầu tư hàng năm là 0,04% NAV/năm.
    - + Phí đăng ký mua mới, mua lại, chuyển đổi, chuyển nhượng là 0,03% tính trên giá trị giao dịch mua mới, mua lại, chuyển đổi, chuyển nhượng.





## **Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 19 tháng 4 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 06- QM**

- Nhóm phí tính trên số lượng thực tế phát sinh gồm :
  - + Phí thiết lập dữ liệu nhà đầu tư gồm tạo dữ liệu nhà đầu tư là 15.000 VND mỗi nhà đầu tư và tạo dữ liệu đại lý phân phối là 1.000.000 VND mỗi đại lý
  - + Các chi phí khác như phí gửi thư số lượng lớn, chi phí trả cổ tức, chi phí tính toán và chi trả phí hoa hồng và phí thưởng đại lý...

Tổng mức phí tối thiểu và tối đa của phí lưu ký, giám sát, phí quản trị Quỹ và phí đại lý chuyển nhượng:

- Tổng mức phí tối thiểu của phí lưu ký (không bao gồm phí giao dịch thanh toán bù trừ chứng khoán), phí giám sát, phí quản trị Quỹ và phí đại lý chuyển nhượng là 50.000.000 VND/tháng
- Tổng mức phí tối đa của phí lưu ký, giám sát, phí quản trị Quỹ và phí đại lý chuyển nhượng là 0,45% NAV/năm

**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 19 tháng 4 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 06- QM

**23. Một số chỉ tiêu đánh giá hoạt động Quỹ mở**

**Từ ngày 19/4/2013  
đến ngày 31/12/2013**

**I Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động đầu tư**

1	Phí quản lý trả cho Công ty Quản lý Quỹ/NAV trung bình trong kỳ (%)	1,39%
2	Phí lưu ký, giám sát trả cho Ngân hàng Giám sát/NAV trung bình trong kỳ (%)	0,17%
3	Phí quản trị Quỹ, phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các phí khác mà Công ty Quản lý Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan/NAV của Quỹ trung bình trong kỳ (%)	0,63%
4	Phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán/NAV trung bình trong kỳ (%)	0,10%
5	Phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại diện Quỹ/NAV trung bình trong kỳ (%)	0,19%
6	Chi phí hoạt động/NAV trung bình trong kỳ (%)	3,18%
7	Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng giá trị danh mục bán ra)/2/NAV trung bình trong kỳ	2,64

**II Các chỉ tiêu khác**

<b>1</b>	<b>Quy mô Quỹ đầu kỳ (tính theo mệnh giá chứng chỉ Quỹ)</b>	
	Tổng giá trị chứng chỉ Quỹ đang lưu hành đầu kỳ	240.437.600.000
	Tổng số lượng đơn vị Quỹ đang lưu hành đầu kỳ	24.043.760
<b>2</b>	<b>Thay đổi quy mô Quỹ trong kỳ (tính theo mệnh giá chứng chỉ Quỹ)</b>	
	Số lượng đơn vị Quỹ phát hành thêm trong kỳ	59.351,63
	Giá trị vốn huy động thêm trong kỳ (theo mệnh giá)	593.516.300
	Số lượng đơn vị Quỹ mua lại trong kỳ	(9.180.483,36)
	Giá trị vốn mua lại trong kỳ khi đáp ứng lệnh của nhà đầu tư (theo mệnh giá)	(91.804.833.600)
<b>3</b>	<b>Quy mô Quỹ cuối kỳ (tính theo mệnh giá chứng chỉ Quỹ)</b>	
	Tổng giá trị chứng chỉ Quỹ đang lưu hành cuối kỳ	149.226.282.700
	Tổng số lượng đơn vị Quỹ đang lưu hành cuối kỳ	14.922.628,27
<b>4</b>	<b>Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ Quỹ của Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan cuối kỳ</b>	<b>20,41%</b>
<b>5</b>	<b>Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ Quỹ của 10 nhà đầu tư lớn nhất cuối kỳ</b>	<b>95,98%</b>
<b>6</b>	<b>Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ Quỹ của nhà đầu tư nước ngoài cuối kỳ</b>	<b>39,90%</b>
<b>7</b>	<b>Số nhà đầu tư tham gia vào Quỹ cuối kỳ</b>	<b>86</b>
<b>8</b>	<b>NAV/ đơn vị Quỹ cuối kỳ</b>	<b>7.217,48</b>

(\*) Tỷ lệ chi phí hoạt động không bao gồm chi phí lãi vay.

**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 19 tháng 4 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 06- QM

**24. Báo cáo hoạt động vay, giao dịch mua bán lại của Quỹ trong kỳ**

STT	Nội dung hoạt động	Đối tác	Tài sản đảm bảo	Kỳ hạn	Giá trị hợp đồng VND	Thời điểm giao dịch Ngày	Tỷ lệ giá trị hợp đồng/NAV của Quỹ	Thời điểm báo cáo Ngày	Tỷ lệ giá trị hợp đồng/NAV của Quỹ
1.2	Hợp đồng Repo								
	Hợp đồng mua bán lại 200,000 trái phiếu TD1316013 với Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Quỹ là bên Bán)	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	Trái phiếu Chính phủ 8,5% 28/02/2016 (VNTD13160138)	38 ngày	20.272.400.000	04/10/2013	16,12%	31/12/2013	0,00%
	Hợp đồng mua bán lại 500.000 trái phiếu TD1215034 với Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Quỹ là bên Bán)	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	Trái phiếu Chính phủ 9% 15/06/2015 (VNTD12150346)	35 ngày	50.623.000.000	25/11/2013	43,32%	31/12/2013	0,00%
<b>II</b>	<b>Tổng giá trị các hợp đồng Repo/NAV của Quỹ</b>				<b>70.895.400.000</b>			<b>31/12/2013</b>	<b>0,00%</b>



## **Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 19 tháng 4 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 06 - QM**

### **25. Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro mà Quỹ phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Quỹ có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Quỹ sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Danh mục đầu tư của Quỹ bao gồm cổ phiếu niêm yết và trái phiếu niêm yết. Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ có toàn quyền trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng mục tiêu đầu tư của Quỹ. Việc tuân thủ phân bổ các tài sản và cơ cấu danh mục đầu tư được Công ty Quản lý Quỹ giám sát hàng tuần. Trong trường hợp danh mục đầu tư khác với mục tiêu phân bổ tài sản, Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ cân bằng lại danh mục đầu tư theo đúng mục tiêu đã định.

#### **(a) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Quỹ phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên đối tác của công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Quỹ. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản phải thu.

Tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn của Quỹ được gửi tại các tổ chức tín dụng có uy tín mà Ban đại diện Quỹ đã phê duyệt và Công ty Quản lý Quỹ cho là sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ việc không thực hiện nghĩa vụ của các tổ chức tín dụng này.

Chứng khoán niêm yết của Quỹ chỉ được giao dịch tại hoặc phải tuân theo các luật định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoặc với các bên đối tác có chỉ số xếp hạng tín nhiệm cụ thể. Tất cả các hoạt động giao dịch đối với chứng khoán niêm yết được thanh toán hoặc chi trả qua Sở Giao dịch và các nhà môi giới đã được chấp thuận. Rủi ro không được trả nợ do đó được xem là rất nhỏ.

Trái phiếu do Quỹ đầu tư là trái phiếu chính phủ, trái phiếu do chính phủ bảo lãnh. Do đó, Công ty Quản lý Quỹ cho là sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ việc không thực hiện nghĩa vụ của tổ chức phát hành trái phiếu.

Các khoản phải thu phản ánh các khoản phải thu từ lãi tiền gửi ngân hàng, cổ tức, trái tức được nhận và tiền bán chứng khoán phải thu. Công ty Quản lý Quỹ tin rằng không cần thiết phải lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu này tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 do tính chất ngắn hạn của chúng.

Trạng thái rủi ro tín dụng tối đa mà Quỹ có thể phải chịu bằng với giá trị ghi sổ của tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản phải thu.

## Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 19 tháng 4 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 06- QM

### (b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Quỹ sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Quỹ là đảm bảo Quỹ luôn có đủ một lượng tiền mặt nhằm để đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn.

Tài sản tài chính của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 chủ yếu là chứng khoán niêm yết. Các khoản đầu tư của Quỹ vào chứng khoán niêm yết được xem là có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt vì được giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Do đó, Quỹ có thể dễ dàng chuyển đổi các khoản đầu tư của Quỹ thành tiền mặt kịp thời nhằm đáp ứng các nhu cầu thanh khoản của Quỹ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 thời gian đáo hạn còn lại dựa theo hợp đồng của các khoản nợ phải trả tài chính như sau:

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền không chiết khấu VND	Không quá 1 năm VND	Từ 1 đến 2 năm VND	Từ 2 đến 5 năm VND
<b>31/12/2013</b>					
Phải trả phí phát hành và mua lại chứng chỉ Quỹ	47.415.955	47.415.955	47.415.955	-	-
Chi phí phải trả	436.188.929	436.188.929	436.188.929	-	-
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ Quỹ	1.040.275.822	1.040.275.822	1.040.275.822	-	-
Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	69.761.793	69.761.793	69.761.793	-	-
	1.593.642.499	1.593.642.499	1.593.642.499	-	-

### (c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như lãi suất, tỷ giá hối đoái và giá thị trường sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Quỹ hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Quỹ nắm giữ.

#### (i) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Quỹ sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ là rất nhỏ vì tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn của Quỹ đều có thời gian đáo hạn ngắn.



## Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 19 tháng 4 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 06- QM

### (ii) *Rủi ro tiền tệ*

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Quỹ bị ảnh hưởng bởi những thay đổi về tỷ giá hối đoái. Quỹ không bị ảnh hưởng bởi rủi ro tiền tệ do các tài sản và các khoản nợ của Quỹ là có gốc tiền tệ là tiền Đồng Việt Nam cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Quỹ.

### (iii) *Rủi ro giá thị trường*

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số thị trường và giá trị của từng loại chứng khoán.

Quỹ đầu tư vào chứng khoán niêm yết mà các chứng khoán này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được qui định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, giá trị thị trường của các chứng khoán niêm yết của Quỹ là 57.040.990.000 Đồng Việt Nam. Trong giai đoạn từ ngày 19 tháng 4 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013, tỉ lệ biến động giữa tháng có chỉ số VN Index cao nhất và thấp nhất xấp xỉ 12,71%. Nếu giá thị trường của các chứng khoán này giảm hoặc tăng 12,71% tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 với tất cả các biến số khác không thay đổi, lỗ thuần trong năm của Quỹ sẽ tăng hoặc giảm tương ứng 7.249.909.829 Đồng Việt Nam và theo đó giá trị tài sản ròng của Quỹ sẽ giảm hoặc tăng tương ứng là 7.249.909.829 Đồng Việt Nam.

### (d) *Giá trị hợp lý*

#### (i) *So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ*

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Quỹ:

	<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013</b>	
	<b>Giá trị ghi sổ VND</b>	<b>Giá trị hợp lý VND</b>
<b>Tài sản tài chính</b>		
<i>Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập</i>		
▪ Các khoản đầu tư	57.040.990.000	57.040.990.000
<i>Các khoản cho vay và phải thu</i>		
▪ Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	22.984.928.236	22.984.928.236
▪ Phải thu về bán các khoản đầu tư	26.627.964.000	26.627.964.000
▪ Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	2.485.353.425	2.485.353.425
▪ Phải thu khác	159.412.155	159.412.155
<b>Tổng cộng</b>	<b>109.298.647.816</b>	<b>109.298.647.816</b>

**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 19 tháng 4 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)****Mẫu B 06- QM**

**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013**  
**Giá trị ghi sổ**                      **Giá trị hợp lý**  
**VND**                                      **VND**

**Nợ phải trả tài chính**

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

▪ Phải trả phí phát hành, mua lại chứng chỉ Quỹ	47.415.955	47.415.955
▪ Chi phí phải trả	436.188.929	436.188.929
▪ Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ Quỹ	1.040.275.822	1.040.275.822
▪ Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	69.761.793	69.761.793

**Tổng cộng****1.593.642.499****1.593.642.499**

Giá trị hợp lý là giá trị mà tài sản đó có thể được trao đổi, hoặc một khoản phải trả được thanh toán giữa các bên độc lập, có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

**(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý**

Quỹ sử dụng các phương pháp và giả định sau trong việc ước tính giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền là số dư tại ngày của báo cáo tài chính.
- Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch Chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
- Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch Chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
- Giá trị hợp lý của trái phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán là giá yết hoặc tên gọi khác (giá sạch), tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao dịch Chứng khoán, trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán cho các giao dịch mua bán thông thường (outright) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế;

Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá hoặc chỉ có các giao dịch với giá có nhiều biến động bất thường theo quy định tại Sổ tay Định giá và đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản, giá trị hợp lý ưu tiên theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau:

- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận (chi tiết trong sổ tay định giá của Quỹ); hoặc
- Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc
- Mệnh giá cộng lãi lũy kế.



## Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 19 tháng 4 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 06- QM

- Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính xấp xỉ giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 do các công cụ tài chính này có kỳ hạn ngắn.

## 26. Số liệu so sánh

Quỹ không trình bày số liệu so sánh vì đây là các báo cáo tài chính đầu tiên do Quỹ lập kể từ ngày chuyển đổi sang Quỹ mở. Các số liệu đầu kỳ được mang sang từ Quỹ đóng tại ngày 18 tháng 4 năm 2013

## 27. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho giai đoạn từ ngày 19 tháng 4 năm 2013 đến 31 tháng 12 năm 2013 được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt phát hành vào ngày 7 tháng 3 năm 2014.

Ngày 7 tháng 3 năm 2014

Đại diện có thẩm quyền của Ngân  
hàng Giám sát  
Ngân hàng TNHH một thành viên  
HSBC (Việt Nam)



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam

Nguyễn Minh Đăng Khánh  
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám  
đốc Tài chính



Trần Thanh Tân  
Tổng Giám đốc





